CUỘN KHÁNG CHO TỤ BÙ 7%, 14% (tuv Quality BV)

Đặc điểm kĩ thuật

Thiết kế đặc biệt cho độ bão hòa từ mức cao, độ tuyến tính ở 1.8In
Quấn dây định hình triệt tiêu lực dọc trục khi chịu xung
Sấy sơn cách điện chân không đảm bảo an toàn và giảm độ ồn (≤65dB)
Trang bị cảm biến nhiệt bảo vệ quá nhiệt
Kích thước nhỏ gọn, dễ lắp đặt đấu nối

Điện áp định mức Un: 250 ÷ 800V; 50Hz
Công suất: 10 ÷ 100k VAR (đặt hàng kích thước đặc biệt)
Tỷ lệ trở kháng: 6%, 7%, 13%. 14%
Giới hạn thiết kế: U3=0.5%, U6=5%, U7=5%, U11=3.5%
Tiêu chuẩn: IEC60076-6

Mô tả		Công suất tụ (kVAr/V)	Kích thước WxDxH (mm)	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)
Kháng cho tụ 10kVAr, 440V, 7%	4,31	10/440	182x120x170	BRH3740010	4.160.000
Kháng cho tụ 15kVAr, 440V, 7%	2.88	15/440	210x135x200	BRH3740015	5.200.000
Kháng cho tụ 20kVAr, 440V 7%	2,16	20/440	240x170x180	BRH3740020	5.900.000
Kháng cho tụ 25kVAr,, 440V 7%	1,73	25/440	240x160x200	BRH3740025	7.280.000
Kháng cho tụ 30kVAr, 440V, 7%	1,44	30/440	240x165x200	BRH3740030	7.540.000
Kháng cho tụ 40kVAr, 440V, 7%	1,08	40/440	275x175x230	BRH3740040	9.360.000
Kháng cho tụ 50kVAr, 440V 7%	0,86	50/440	275x175x230	BRH3740050	8.890.000
Kháng cho tụ 60kVAr, 440V, 7%	0,72	60/440	300x180x260	BRH3740060	11.270.000
Kháng cho tụ 75kVAr, 440V, 7%	0,58	75/440	300x220x260	BRH3740075	15.090.000
Kháng cho tụ 80kVAr, 440V, 7%	0,54	80/440	300x220x260	BRH3740080	15.610.000
Kháng cho tụ 100kVAr, 440V, 7%	0,43	100/440	330x230x290	BRH37400100	15.780.000
Kháng cho tụ 30kVAr, 525V, 14%	4,09	30/525	295x195x235	BRH31440030	13.610.000
Kháng cho tụ 40kVAr, 525V, 14%	3,07	40/525	300x200x265	BRH31440040	18.470.000
Kháng cho tụ 50kVAr, 525V, 14%	2,46	50/525	330x200x290	BRH31440050	19.070.000
Kháng cho tụ 100kVAr, 525V, 14%	1,23	100/525	420x250x315	BRH314400100	30.610.000
Điện trở xả cho cuộn kháng 20kVAr - 100kVAr			55x72x62	BRHDC	3.000.000

BỘ CHUYỂN NGUỒN ATS (KERI Quality BV)

Đặc điểm kĩ thuật

Cấu trúc cứng chắc kiểu dáng nhỏ gọn
Hành trình thao tác A<> OFF <> B an toàn
Tốc độ thao tác nhanh (OFF ≤ 30ms; ON ≤ 60ms)
Độ bền thao tác 5.000/10.000 lần, tần suất 150 lần/ giờ

Điện áp định mức Un: 600V; 50/60Hz
Công suất 100 ÷ 1600A; 3P, 4P
Điện áp điều khiển: 120VDC / 110 / 220 VAC
Tiêu chuẩn: IEC 60947-6-1 / UL1008

Dòng điện (A)	Kết nối	Số cực	Kiểu chuyển mạch	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)
100	Front	2	ON-ON	HK-100NF2	9,960,000
	Front	3	ON-OFF-ON	HK-100TNF3	14,310,000
	Front	4	ON-OFF-ON	HK-100TNF4	15,560,000
200	Front	2	ON-ON	HK-200NF2	11,200,000
	Front	3	ON-OFF-ON	HK-200TNF3	15,560,000
	Front	4	ON-OFF-ON	HK-200TNF4	17,420,000
400	Front	3	ON-OFF-ON	HK-400TNF3	24,890,000
	Front	4	ON-OFF-ON	HK-400TNF4	31,730,000
630	Front	3	ON-OFF-ON	HK-630TNF3	33,980,000
	Front	4	ON-OFF-ON	HK-630TNF4	36,090,000
800	Back	3	ON-OFF-ON	HK-800TNB3	33,600,000
	Back	4	ON-OFF-ON	HK-800TNB4	39,200,000
1000	Back	3	ON-OFF-ON	HK-1000TNB3	38,580,000
	Back	4	ON-OFF-ON	HK-1000TNB4	46,040,000
1250	Back	3	ON-OFF-ON	HK-1250TNB3	52,890,000
	Back	4	ON-OFF-ON	HK-1250TNB4	66,580,000
1600	Back	3	ON-OFF-ON	HK-1600TNB3	56,620,000
	Back	4	ON-OFF-ON	HK-1600TNB4	70,930,000
2000	Back	3	ON-OFF-ON	HK-2000TNB3	95,200,000
	Back	4	ON-OFF-ON	HK-2000TNB4	115,730,000
2500	Back	3	ON-OFF-ON	HK-2500TNB3	130,040,000
	Back	4	ON-OFF-ON	HK-2500TNB4	147,770,000
3200	Back	3	ON-OFF-ON	HK-3200TNB3	174,220,000
	Back	4	ON-OFF-ON	HK-3200TNB4	199,100,000
	Bộ điều khiển ATS không màn hình			Hanpro-1000	4,360,000
	Bộ điều khiển ATS có màn hình			ATbSC55	4,390,000
	Bộ điều khiển ATS dùng cho 2 máy phát			ATbSC56	5,970,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT